

ĐỐI CHIẾU CÁC LOẠI TÊN RIÊNG TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

HỒ NGOC TRUNG¹PHẠM TẮT THẮNG²

Abstract: Throughout the history of linguistics, proper names in languages have remained relatively underexplored, particularly in terms of classification. Therefore, this study aims to describe and contrast two types of proper names in Vietnamese and English in order to shed further light on the structural characteristics of proper name systems in both languages and to facilitate the process of English and Vietnamese language education in each countries.

Keywords: *common name, proper name, Vietnamese proper name, English proper name, onomastics.*

1. Dẫn nhập

Tên riêng (proper name) là loại tên gọi chỉ một đối tượng cá biệt và đơn nhất. Điều này làm cho tên riêng khác hẳn với tên chung (common name) - chỉ một lớp đối tượng cùng loại. Chính vì thế, tên riêng đã trở thành đối tượng nghiên cứu của bộ môn Tên riêng hay Danh học (Onomastics). Bộ môn này hình thành đầu tiên ở Mỹ và châu Âu từ những năm 50 của thế kỉ XX.

Tên riêng tiếng Anh cũng được quan tâm từ khá sớm. Vào những năm 50 của thế kỉ XX, Gardiner A. đã viết về lí thuyết tên riêng [16]. Những năm sau đó, tên riêng được tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu theo các hướng và phạm vi nghiên cứu khác nhau, có thể kể đến các công trình của các tác giả như: Imomov, E., & Kuldashev [17]; Langendonck, W. V. [18]; Searle, J. [19]; Sloat, C. [20]... Phần lớn các công trình nói trên đều thiên về việc nghiên cứu lí thuyết tên riêng.

Vấn đề nghiên cứu tên riêng ở Việt Nam xuất hiện muộn hơn ở châu Âu. Vào những năm 60-70 của thế kỉ XX, ở Việt Nam mới có một số học giả nghiên cứu về tên riêng tiếng Việt như: Nguyễn Kim Thân, Hoàng Tuệ, Trần Ngọc Thêm, Lê Trung Hoa, Phạm Tất Thắng,...

Nội dung nghiên cứu của các giả nói trên chủ yếu thiên về việc miêu tả tên người và địa danh dưới bình diện dân tộc, xã hội hay văn hoá. Chẳng hạn, dưới góc nhìn của dân tộc học, Nguyễn Kim Thân cho rằng, người Việt không có tên họ kép kiểu như Âu Dương, Gia Cát, Tư Mã, Hạ Hầu của người Trung Quốc [4]. Lê Trung Hoa xuất phát góc độ của xã hội học lại cho rằng, tên chính của người Việt có tên đệm kép. Theo ông, trong tên *Trần Văn Minh Hiếu*, thì hai âm tiết *Văn* và *Minh* làm thành tên đệm kép [3].

Việc nghiên cứu tên riêng xuất phát từ bình diện ngôn ngữ vẫn chưa được nhiều người quan tâm. Nhằm cung cấp thêm những ngữ liệu về tên riêng trong các ngôn ngữ cụ thể để góp phần chứng minh cho những cơ sở lí luận trong việc nghiên cứu tên riêng, trong bài viết này, chúng tôi tiến hành phân loại, miêu tả và so sánh cấu trúc - ngữ nghĩa của các loại tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Miêu tả tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh**2.1. Đặc điểm cấu trúc - ngữ nghĩa các loại tên riêng trong tiếng Việt**

Năm 1975, có lẽ người đầu tiên phân loại tên riêng trong tiếng Việt là Nguyễn Tài Căn. Vào thời kì đó, ông chỉ phân biệt hai loại tên riêng mà ông gọi là danh từ riêng - đó là tên người và tên địa lí [1].

Đến năm 1996, Hoàng Tuệ phân chia tên riêng tiếng Việt làm 5 loại như sau:

- a) Tên người;
- b) Tên nơi chốn: *Việt Nam, Hà Nội, Thăng Long, Đống Đa,.. Hoả, Kim, Thổ* (các sao),...
- c) Tên thời kì, thời điểm, sự kiện lịch sử: *Bắc thuộc, Lê - Trịnh, Cách mạng tháng tám,.. Thìn, Ngọ* (các năm),...
- d) Tên tổ chức: *Đông kinh nghĩa thực, Việt minh, Đảng cộng sản Việt Nam, TTXVN, Fafim*,...
- e) Tên công trình: *Bình ngô đại cáo, Truyện Kiều, Tiến quân ca*,...

^{1,2} Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: hongoc trung74@hou.edu.vn; phamtatthangvnn@gmail.com

Mặc dù ông nhắc tới tên gọi động vật, nhưng theo ông, tên gọi này không quan trọng nên đã không xếp chúng vào nhóm tên riêng [9].

Thực ra, cách phân loại tên riêng của Hoàng Tuệ mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê tên riêng chứ chưa tiến hành miêu tả và phân loại chúng theo một tiêu chí rõ ràng.

Mãi đến năm 2003, Phạm Tất Thắng đã dựa vào ý nghĩa định danh của tên riêng để phân chia chúng làm 11 loại tên riêng khác nhau [6]. Đến năm 2014, tác giả này lại dựa vào cấu trúc để tiếp tục phân loại tên riêng tiếng Việt thành 14 loại [7]. Cách phân loại này chủ yếu dựa vào thành phần cấu tạo của tên riêng nên chưa triệt để và có sức thuyết phục. Vì thế, lần này chúng tôi (PTT) dựa vào cấu trúc - ngữ nghĩa để tiến hành phân loại tên riêng tiếng Việt thành các loại như sau:

(1) Tên gọi người

Tên gọi người (còn gọi là Tên người hay Nhân danh) là tên gọi của một người cụ thể. Đây là loại tên riêng có vị trí quan trọng nhất trong hệ thống tên riêng không chỉ vì chúng có số lượng rất lớn, mà còn in đậm dấu ấn văn hoá - xã hội của cộng đồng ngôn ngữ. Về hình thức, tên người là loại tên riêng được biểu hiện dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Đối với người Việt, ngoài tên chính (còn gọi là Tên thật, Tên khai sinh), mỗi người Việt có thể có nhiều tên gọi khác nhau tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển của cuộc đời như: tên tục, biệt danh, bí danh, mật danh, bút danh, nghệ danh, pháp danh, thụy danh,...

Chẳng hạn, hồi còn nhỏ, một người có thể có có tên Tục. Đây là loại tên gọi có cấu tạo đơn giản, thường chỉ gồm một tiếng và được dùng để gọi trong phạm vi gia đình với sắc thái thân mật hay suồng sã như: *Cu, Cò, Bò,...* (nam), *Đĩ, Hìm, Tô, Tet,...* (nữ). Khi trưởng thành, một người nào đó trở thành nhà khoa học, nhà văn, nhà báo hay nghệ sĩ, thì người đó có thể đặt tên gọi khác là Bút danh hay Nghệ danh. Mỗi loại tên gọi đó đều có cấu trúc, chức năng khác nhau. Trong số những loại tên gọi khác nhau đó, tên chính là tên gọi quan trọng nhất. Bởi vì, tên gọi này có giá trị pháp lí và được sử dụng trong các văn bản chính thức của Nhà nước như: sổ hộ tịch, văn bằng, chứng chỉ, huân huy chương,.... Tên chính còn thể hiện đặc trưng văn hoá của mỗi cộng đồng dân tộc nhất định. Vì thế, tên chính của mỗi dân tộc khác nhau là khác nhau.

Tên chính của người Việt có cấu tạo gồm 3 thành tố kết hợp chặt chẽ với nhau theo thứ tự: Tên họ, Tên đệm, Tên cá biệt. Mô hình cấu tạo khái quát của tên chính người Việt như sau:

[Tên họ - Tên đệm - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Trần Nguyễn Hân, Lê Quý Đôn, Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu, Nguyễn Thị Minh Khai,...*

(2) Tên gọi thần linh

Theo truyền thuyết và quan niệm dân gian, thần và thánh đều là lực lượng siêu nhiên, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của con người. Do thần và thánh đều được người Việt tri nhận như là đối tượng có thật, nên thần thánh cũng có tên riêng và được gọi là tên thần linh.

Tên thần linh có hình thức cấu tạo khác với tên người. Tên gọi đó thường là có cấu tạo gồm hai âm tiết trở lên nhưng thường được sử dụng nguyên khối trong hoạt động giao tiếp.

Ví dụ: *Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh, Mẫu Thuận Thiên, Chúa Thác Bờ, Cô Đồi Thượng Ngàn,...*

(3) Tên gọi động vật

Nhìn chung, động vật thường không có tên riêng, nhưng có một số loài có mối quan hệ đặc biệt đối với con người thì được con người đặt cho tên riêng. Những động vật có tên riêng thường là những con vật nuôi trong gia đình, trong phòng thí nghiệm, trong công viên quốc gia hay làm nhiệm vụ đặc biệt.

Chẳng hạn, *Sa-mu-rai* là tên của con chó nghiệp vụ thuộc Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ (PDRC) Trâu Quỳnh, Gia Lâm, Hà Nội. Con chó này có công trong việc tìm ra chiếc máy tính xách tay lưu giữ rất nhiều tài liệu quan trọng của Giám đốc Dự án điện khí Phú Mỹ 3 [12].

Tên riêng của động vật có cấu tạo đơn giản dưới hình thức đơn âm tiết hay đa âm tiết và được sử dụng nguyên khối trong giao tiếp. Ngoài những tên gọi có nguồn gốc thuần Việt, người Việt còn mượn tên nước ngoài để đặt tên cho động vật.

Ví dụ: *Bánh bao, Bắp, Na, Sim, Nám, Kem, Noel, Milu, Mili,...*

(4) Tên gọi thực vật

Nhìn chung, thực vật cũng không có tên riêng, nhưng có một số loài thực vật có mối quan hệ đặc biệt đối với con người thì có tên riêng. Những loài thực vật có tên riêng thường là những cây cối có giá trị về mặt lịch sử - văn hoá như: cây di sản, cây trong phòng thí nghiệm, cây cảnh có giá trị và quý hiếm,... Tên riêng thực vật thường có cấu tạo dưới hình thức cụm từ và được sử dụng nguyên khối.

Ví dụ: *Cây đa Tân Trào* là một biểu tượng lịch sử của làng Tân Lập tỉnh Tuyên Quang - nơi đã diễn ra những sự kiện quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam. Cây đa này không chỉ là vị thần bảo hộ cho người dân nơi đây mà còn là một nhân chứng sống cho những ngày tháng hào hùng của quân và dân Tân Trào. Đây cũng là nơi chứng kiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc bản quân lệnh số 1 cũng như lễ xuất quân giải phóng thủ đô năm 1945 trước sự chứng kiến của đồng bào các dân tộc Việt Bắc và 60 đại biểu toàn quốc [11].

(5) Tên gọi đồ vật

Đồ vật cũng không có tên riêng, nhưng có một số đồ vật có mối quan hệ đặc biệt đối với con người thì có tên riêng. Những đồ vật có tên riêng thường là những đồ vật có giá trị lịch sử - văn hoá như: di chỉ khảo cổ, bảo vật quốc gia đặc biệt được lưu giữ trong các bảo tàng văn hoá, lịch sử, quân sự,...

Ví dụ: *Trống đồng Ngọc Lũ* được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia theo Quyết định số 1426/QĐ-TTg ngày 01/10/2012. Tháng 4 năm 1903, trống được Viện Viễn Đông Bác cổ sưu tầm và sau đó được lưu giữ tại Bảo tàng Louis Finot (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia) [13].

Tên riêng đồ vật thường có cấu tạo dưới hình thức một cụm từ và được sử dụng nguyên khối như: *Ấn Hoàng đế Chi Bảo, Trống đồng Ngọc Lũ, Đôi dép Bác Hồ*,...

(6) Tên gọi địa lí

Địa lí là các vùng đất, địa hình, khu dân cư và các hiện tượng xuất hiện trên bề mặt trái đất nên thường được gọi là địa danh. Cùng với tên người (nhân danh), địa danh là loại tên riêng có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tên riêng. Địa danh thường được phân biệt thành hai nhóm sau đây:

- Nhóm thứ nhất là tên gọi các sự vật, hiện tượng xuất hiện trong tự nhiên như: sông, núi, biển, hồ, đầm, vũng, vịnh,... Nhóm này được gọi là địa danh tự nhiên và được cấu tạo bởi hai thành tố: thành tố tên chung đứng trước gọi tên loại địa danh và thành tố tên gọi cá biệt.

Ví dụ: *Sông Hồng, Núi Ba Vì, Suối Lê Nin, Biển Đông, Vịnh Hạ Long*,...

- Nhóm thứ hai là gọi những sự vật, hiện tượng do con người tạo ra như: tên quốc gia, tên tỉnh, thành phố, quận, huyện, thôn, xã, tên đường phố,... Nhóm này được gọi là địa danh nhân văn. Nhóm tên gọi này cũng được cấu tạo bởi hai thành tố: thành tố tên chung đứng trước gọi tên loại địa danh và thành tố tên gọi cá biệt.

Ví dụ: *thành phố Hải Phòng, quận Hoàn Kiếm, làng Đường Lâm, đường Giải Phóng, phố Hai Bà Trưng*,...

Về mặt cấu tạo, địa danh nói chung có mô hình khái quát như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Trong mô hình nói trên, thành tố thứ nhất đứng trước là thành tố tên chung chỉ loại, còn thành tố thứ hai là thành tố cá biệt phân biệt đối tượng cá biệt và đơn nhất.

Ví dụ, trong tên gọi “Sông Hồng”, thì “sông” là tên chung, “Hồng” là tên gọi cá biệt.

(7) Tên gọi hiện tượng vũ trụ

Vũ trụ là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà. Mỗi thiên hà là một tập hợp của rất nhiều thiên thể (như các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh, sao chổi,...) cùng với khí, bụi và bức xạ điện từ.

Tên gọi các hiện tượng vũ trụ (còn gọi là Vũ trụ danh) là tên gọi những sự vật, hiện tượng xuất hiện trong không gian vũ trụ.

Về mặt cấu tạo, mô hình cấu tạo của Vũ trụ danh cũng gồm hai thành tố, trong đó, thành tố thứ nhất có chức năng chỉ loại thiên thể, thành tố thứ hai chỉ tên gọi cá biệt của đối tượng:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Mặt Trời, Mặt Trăng, Sao Hỏa, Sao Kim, Dải Ngân Hà, Chòm sao Tiên Hậu*,...

(8) Tên gọi sách - báo

Sách báo là các loại văn bản được trình bày bằng chữ viết hoặc hình ảnh. Theo các tiêu chí khác nhau, sách báo được phân thành nhiều loại khác nhau. Ví dụ, theo hình thức xuất bản có: sách, báo, tạp chí,...; theo thể loại nội dung có tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí, thơ,... Mỗi sách báo đều có tên gọi riêng vì chúng chỉ có một loại.

Về mặt cấu tạo, tên gọi sách báo cũng gồm hai thành tố: thành tố chung chỉ loại sách báo đứng trước và thành tố tên cá biệt. Mô hình cấu tạo khái quát của loại tên gọi này như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Truyện Kiều, Tiểu thuyết Tắt đèn, Tập thơ Việt Bắc, Báo Nhân dân, Tạp chí Văn học, Giáo trình Tâm lí học đại cương...*

(9) Tên gọi các nhân vật trong tác phẩm văn học - nghệ thuật

Trong các phẩm văn học - nghệ thuật, các nhân vật thường là những đối tượng được hư cấu nhưng cũng được tri nhận như con người thật ở ngoài hiện thực. Vì thế, về mặt cấu tạo, tên gọi các nhân vật trong tác phẩm văn học - nghệ thuật tuy có hình thức giống như tên người ở ngoài đời nhưng chúng được sử dụng nguyên khối trong giao tiếp chứ không có sự phân biệt giữa các thành phần trong tên như tên người.

Ví dụ: *Thúy Kiều, Từ Hải* (các nhân vật trong *Truyện Kiều*), *chị Dậu, cái Tí* (các nhân vật trong tiểu thuyết *Tắt đèn*),...

(10) Tên gọi cơ quan và tổ chức xã hội

Cơ quan và các tổ chức xã hội trong hệ thống tổ chức nhà nước cũng có tên riêng, bởi vì chúng cũng là đối tượng đơn nhất. Có ý kiến cho rằng, tên cơ quan và các tổ chức được xếp vào một tiêu loại của địa danh hay hiệu danh.

Về mặt cấu tạo, tên gọi các cơ quan và các tổ chức xã hội phức tạp hơn địa danh. Cấu tạo của loại tên gọi này thường có ba thành tố: thành tố tên chung đứng trước gọi tên loại cơ quan/tổ chức, thành tố tên gọi cá biệt và thành tố địa danh. Mô hình cấu tạo khái quát của loại tên gọi này như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt - Địa danh]

Ví dụ: *Bộ Ngoại giao Việt Nam, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Nhà máy Thuốc lá Thăng Long, Hội Nhà báo Hà Nội, Hội Phụ nữ Việt Nam...*

(11) Tên các cơn bão

Bão là tên gọi chung cho các hình thức như: bão, dông, lốc, áp thấp,... Đây là một trạng thái nhiễu động của khí quyển và là một loại hình thời tiết cực đoan. Ở Việt Nam, tên gọi "bão" thường được hiểu là bão nhiệt đới, có gió mạnh và mưa lớn. Tuy thế, tên gọi này có ý nghĩa rộng hơn bao gồm cả các cơn dông và các hiện tượng khác hiếm gặp khác như: bão tuyết, bão cát, bão bụi.

Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (World Meteorological Organization - WMO), các cơn bão nhiệt đới thường được đặt tên theo quy tắc được áp dụng ở từng khu vực. Lúc đầu, cách đặt tên bão quốc tế thường được đặt bằng tiếng Latin. Các quốc gia thành viên có thể dựa vào đó mà phiên âm hoặc dịch nghĩa để chuyển đổi về ngôn ngữ quốc gia mình.

Ví dụ: *Bão Noru* xảy ra năm 2022. Đây là một cơn bão rất mạnh (siêu bão) được hình thành trên vùng biển phía Tây đảo Lu-dông (Phi-lip-pin) [14].

Trong tiếng Hàn, *Noru* có nghĩa là cơn hoẵng, còn ở Việt Nam, người ta gọi cơn bão này bằng số là "Bão số 4". Tên gọi các cơn bão cũng có cấu tạo gồm hai thành tố: thành tố chung đứng trước gọi tên loại bão và thành tố cá biệt. Mô hình cấu tạo khái quát của chúng như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Bão Sơn Tinh, Bão Cô May, Bão Sơn Ca, Bão số 4, Áp thấp nhiệt đới Marty...*

(12) Tên gọi các thời kì lịch sử - văn hoá

Tên gọi các thời kì lịch sử - văn hoá là tên gọi các giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc và những dấu ấn kỉ niệm về những thành tựu phát triển của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước như: *Thời kì Tiền sử, Kì Hồng Bàng, Thời kì Quân chủ, Văn hoá Văn Lang - Âu Lạc, Văn hoá Đại Việt, Cách mạng tháng Tám...*

Tên gọi các thời kì lịch sử - văn hoá có cấu tạo gồm hai thành tố trong đó có thành tố Tên chung đứng trước chỉ các thời kì lịch sử và thành tố Tên cá biệt đứng sau. Riêng thành tố Tên cá biệt của loại tên gọi này thường trùng với địa danh - nơi có sự kiện diễn ra. Mô hình cấu tạo khái quát của loại tên gọi này như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ như: *Thời kì Bắc thuộc, Văn hoá Đông Sơn, Chiến dịch Điện Biên Phủ, Khởi nghĩa Yên Bái,...*

(13) Tên gọi các công trình kiến trúc

Công trình kiến trúc là một hoặc tổ hợp công trình, hạng mục công trình được xây dựng theo ý tưởng kiến trúc hoặc thiết kế kiến trúc. Khác với các công trình xây dựng thông thường khác, một số công trình kiến trúc có giá trị lịch sử văn hoá hay nghệ thuật có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với đời sống con người mới có tên riêng. Chẳng hạn, trên thế giới có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng như: *Đền Parthenon (Athens, Hy Lạp); Đấu trường Colosseum (Ý); Vạn Lý Trường Thành (Trung Quốc),...*

Tên các công trình kiến trúc ở Việt Nam thường được cấu tạo gồm hai thành tố: thành tố Tên chung chỉ loại công trình kiến trúc và thành tố Tên cá biệt. Mô hình cấu tạo khái quát của loại tên riêng này như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Cầu Long Biên, Chùa Một Cột, Tháp Rùa, Hoàng thành Thăng Long, Thành Nhà Hồ,...*

(14) Tên gọi các ngày Lễ, Tết

Các ngày Lễ hay Tết là những sự kiện văn hoá được tổ chức mang tính cộng đồng. Tên gọi các ngày Lễ hay Tết có cấu tạo theo mô hình gồm hai thành tố tên chung và tên cá biệt. Thành tố Tên chung thường là những từ gọi tên các loại hình lễ tết như: *lễ, hội, tết, giỗ,...* Thành tố cá biệt thường là địa danh chỉ nơi diễn ra các sự kiện lễ hội. Mô hình cấu tạo khái quát của tên gọi này như sau:

[Tên chung - Tên cá biệt]

Ví dụ: *Lễ hội Đền Hùng, Hội Lim, Tết Nguyên đán, Giỗ tổ Hùng Vương,...*

2.2. Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa các loại tên riêng trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh cũng có nhiều cách phân loại về tên riêng. Tuy nhiên, dựa vào cấu trúc - ngữ nghĩa của tên riêng, chúng tôi (HNT) nhận thấy trong tiếng Anh có 14 loại tên riêng khác nhau. Sau đây là đặc điểm cấu tạo - ngữ nghĩa của từng loại tên riêng.

(1) Tên gọi người (Personal names)

Tên gọi người trong tiếng Anh là lớp tên riêng đóng vai trò rất quan trọng, bởi vì đây là lớp tên gọi có số lượng rất lớn và thể hiện những yếu tố ngôn ngữ - văn hoá đặc trưng cho cộng đồng dân tộc. Tên gọi người trong tiếng Anh có hai kiểu tên gọi phổ biến sau đây:

Kiểu tên gọi thứ nhất được gọi là tên chính thống (official). Đây chính là tên gọi chính thức hay là tên thật của người Anh. Tên gọi này thể hiện bản sắc dân tộc và có giá trị pháp lí. Tên chính thống của người Anh được cấu tạo bởi ba thành tố liên kết với nhau theo mô hình khái quát sau:

[First name (tên cá nhân) + Middle name (tên đệm) + Last name (tên họ)]

Trong tiếng Anh, thành phần “First name” là “Tên cá nhân” hay “Tên cá biệt” được dùng để xưng hô hoặc khiến người khác nhớ về nhau.

Thành phần “Middle name” là tên đệm và được đặt giữa tên cá nhân (first name) và tên họ (last name). Theo truyền thống của người Anh, tên đệm có thể được đặt theo họ của cha hoặc họ của mẹ.

Thành phần “Last name” là tên họ (còn gọi là “family name”) có thể được dùng đến trong giao tiếp trong các ngữ cảnh trang trọng hoặc khi giao tiếp với những người xa lạ, chưa quen biết.

Ví dụ: trong tên gọi *Emily Claire Taylor*, thì “Emily” là tên cá biệt, “Claire” là tên đệm, “Taylor” là tên họ.

Kiểu tên gọi thứ hai của người Anh thuộc nhóm tên gọi không chính thống (unofficial). Đây là kiểu tên gọi khác bên cạnh tên chính thống của một người nào đó được gọi là Tên hiệu hay Biệt danh (byname/nickname). Loại tên gọi này không bắt buộc phải có ở tất cả mọi người. Khác với tên chính thống, tên hiệu hay biệt danh có thể là trẻ em, bạn thân, người yêu, vợ chồng, anh chị em trong gia

đình. Không như tên thật, biệt danh thường mang tính dễ thương, hài hước, vui vẻ và có ý nghĩa riêng hoặc ít nhiều thể hiện thuộc tính tâm lý của người mang tên gọi đó.

Ví dụ: *Bonny Lass* (tên gọi cô gái xinh đẹp, quyến rũ), *Sweetums* (tên gọi một đứa bé đáng yêu), *Bloody Mary* (Mary khát máu),...

(2) Tên gọi động vật (*Animal names*)

Trong tiếng Anh có nhiều tên riêng của động vật. Những tên gọi động vật cũng thường là những tên con vật nuôi trong gia đình, tên những con vật làm nhiệm vụ đặc biệt trong lực lượng quân đội hay cảnh sát,... Tên gọi này thường có cấu trúc theo mô hình:

[Tên cá biệt + Tên loài]

Ví dụ: *Minou the cat*, *Fido the dog*, *Diana the beagle*,...

(3) Tên gọi các cơn bão (*Names of hurricanes*)

Trong tiếng Anh, các cơn bão cũng có tên riêng. Chúng được cấu tạo theo tổ hợp đồng vị (apposition). Mô hình cấu tạo khái quát của loại tên gọi này như sau:

[Tên loại bão + Tên gọi cá biệt]

Ví dụ: *Hurricane Edna*, *Typhoon Yagi*, *Cyclone Nargis*,...

(4) Tên gọi địa lí (*Place names*)

Cùng với tên người, tên gọi địa lí (địa danh) trong tiếng Anh cũng là lớp tên gọi quan trọng vì chúng có số lượng rất lớn. Nhìn chung, địa danh tiếng Anh có hai mô hình tên gọi sau:

Loại tên gọi thứ nhất thường được cấu tạo theo mô hình đầy đủ gồm: Tên chung chỉ loại địa danh và tên gọi cá biệt của địa danh đó. Mô hình cấu tạo khái quát của chúng như sau:

[(Mạo từ) - Tên chung - Tên cá biệt] hoặc [(Mạo từ) - Tên cá biệt - Tên chung]

Ví dụ: *the River Rhine* (Sông Rhine), *the River Thames* (Sông Thames), *Mount Athos* (Núi Athos), *Mount Olympus* (Núi Olympus), *the North Sea* (Biển Bắc), *the Atlantic Ocean* (Đại Tây Dương), *the Mediterranean Sea* (Biển Địa Trung Hải),...

Mô hình tên gọi địa lí thứ hai có thể không có thành tố tên chung mà chỉ có thành tố cá biệt gọi tên đơn vị hành chính hay địa danh như: *London*, *Paris*, *the Nile* (Sông Nin), *the Ganges* (Sông Hằng/Sông Ganga), *the Himalayas* (Dãy Himalaya),...

(5) Tên gọi hiện tượng vũ trụ (*Names of astronomic objects*)

Trong tiếng Anh, các hiện tượng vũ trụ như tên gọi các thiên hà, chòm sao, hành tinh, vệ tinh,... cũng có tên riêng. Mô hình tên gọi phổ biến của hiện tượng vũ trụ thường là mô hình một thành tố:

[(Mạo từ) - Tên cá biệt]

Ví dụ như: *Orion* (Chòm sao Orion), *Venus* (Sao Kim), *Jupiter* (Sao Mộc), *Leo* (chòm sao Sư Tử), *the Earth* (hành tinh Trái Đất), *Explorer 1* (Vệ tinh Explorer 1),...

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy mô hình hai thành tố cũng được sử dụng trong khá nhiều tên gọi hiện tượng vũ trụ:

[Tên cá biệt - Tên chung]

Ví dụ như: *Andromeda Galaxy* (Thiên hà Andromeda), *Back Eye Galaxy* (Thiên hà Mắt đen), *Halley's Comet* (Sao chổi Halley), *Morning star* (Sao Mai),...

(6) Tên gọi các công trình kiến trúc hay xây dựng (*Names of building*)

Tên gọi các công trình kiến trúc hay xây dựng trong tiếng Anh cũng khá phổ biến. Về hình thức, tên gọi này thường có mạo từ xác định đứng trước kết hợp với tên chung chỉ loại (classifier) đứng trước tên gọi cá biệt. Tên gọi này thường được cấu tạo theo mô hình khái quát như sau:

[(Mạo từ) - Tên cá biệt - Tên chung]

Ví dụ: *The Empire State Building* (Tòa nhà Empire State), *The White House* (Nhà Trắng), *The Eiffel Tower* (Tháp Eiffel), *Sydney Opera House* (Nhà hát Sydney Opera),...

(7) Tên gọi tàu, thuyền (Names of ships and boats)

Trong tiếng Anh, tàu thuyền cũng có tên riêng. Tuy nhiên không phải tên gọi tàu thuyền nào cũng có tên riêng mà chỉ những loại tàu thuyền nào có giá trị lịch sử văn hoá hoặc có giá trị đặc biệt đối với con người thì mới có tên riêng.

Về hình thức, tên gọi tàu, thuyền cũng luôn có mạo từ xác định, tuy nhiên tên gọi này không kết hợp với từ chỉ loại như trường hợp tên gọi các công trình kiến trúc xây dựng.

Nhìn chung, tên gọi này cấu tạo theo mô hình khái quát như sau:

[Mạo từ - Tên cá biệt]

Ví dụ: *the Queen Elisabeth, the Titanic, the Santa Maria, ...*

(8) Tên gọi cơ quan và tổ chức xã hội (Names of organizations and associations)

Tên gọi cơ quan và tổ chức xã hội trong tiếng Anh có cấu trúc phức hợp gồm tên chung chỉ loại đơn vị, tên cá biệt và địa danh đi kèm. Điều đáng chú ý là, tên gọi cơ quan và tổ chức cũng thường có mạo từ đi cùng. Loại tên gọi này có mô hình cấu tạo khái quát như sau:

[Mạo từ - Tên chung - (địa danh) - Tên cá biệt]

hoặc **[Mạo từ - (địa danh) - Tên cá biệt - Tên chung]**

Ví dụ: *the Association for Linguistic Typology* (Hiệp hội Loại hình Ngôn ngữ), *the Association of Southeast Asian Nations* (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á), *the Central Intelligence Agency* (Cục Tình báo Trung ương Mỹ), *the Food and Agriculture Organisation* (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc), *the Asian Football Confederation* (Liên đoàn Bóng đá Châu Á),...

(9) Tên gọi thời gian (Temporal names)

Trong tiếng Anh, thời gian cũng có tên riêng. Tên gọi này bao gồm tên gọi chỉ thời gian trong tuần, chỉ tháng và các ngày lễ trong năm. Những tên gọi này có cấu tạo đơn giản, thường trùng với từ và được sử dụng nguyên khối trong giao tiếp.

Ví dụ: *Monday* (Thứ Hai), *January* (Tháng Giêng), *Easter* (Lễ Phục sinh), *Christmas* (Lễ Giáng sinh),...

Ngoài ra, tên gọi thời gian trong tiếng Anh còn bao gồm lớp từ gọi tên các sự kiện quan trọng. Những tên gọi này có cấu trúc phức tạp hơn bao gồm cụm từ có sử dụng mạo từ xác định.

Ví dụ như: *the French Revolution* (Cách mạng Pháp), *the Second World War* (Chiến tranh thế giới thứ hai), *the Fall of the Wall* (sự kiện Bức tường Berlin sụp đổ), *the Stone Age* (Thời đại đồ đá), *the Bronze Age* (Thời đại đồ đồng),...

(10) Tên gọi tác phẩm nghệ thuật, sách, báo, phim,... (Names of works of arts, books, journals, films,...)

Trong tiếng Anh, tên gọi sách báo phim ảnh và tên gọi các tác phẩm văn học - nghệ thuật cũng có tên riêng. Tên gọi này có cấu trúc phức hợp gồm tên chung chỉ loại sản phẩm kết hợp với tên gọi cá biệt. Ngoài ra, có một số tên gọi khác còn kết hợp với mạo từ để tạo nên tổ hợp đồng vị. Nhìn chung, loại tên gọi này được cấu tạo theo mô hình đầy đủ như sau:

[Mạo từ - (Tên chung) - Tên cá biệt]

Ví dụ: *(The painting) the Mona Lisa* (Bức tranh Mona Lisa), *(The daily newspaper) The New York Times* (Thời báo New York), *the film Titanic* (Phim Titanic),...

(11) Tên thương mại, nhãn hiệu (Trade names and brand names)

Trong tiếng Anh, tên các nhãn hiệu thương mại cũng được xếp vào lớp tên riêng. Cấu tạo của loại tên gọi này khá đơn giản chỉ gồm một yếu tố chỉ tên gọi cá biệt của sản phẩm hàng hoá.

Ví dụ: *Ford, Coca-Cola, KFC, McDonald's, Microsoft, ...*

(12) Tên gọi ngôn ngữ (Names of languages)

Trong tiếng Anh, tên gọi ngôn ngữ cũng được xếp thành một tiểu loại trong tên riêng. Đây là quan niệm của một số tác giả như: Allerton (1987), Langendonck (2007),... Tên gọi này có hình thức phái sinh từ tên gọi quốc gia hay dân tộc.

Ví dụ: *Vietnamese, English, Chinese, Russian, French, ...*

(13) Tên gọi tôn giáo, tên thần thánh, tên kinh thánh (Names of Religions, deities, scriptures)

Trong tiếng Anh, tên gọi các tôn giáo, tên thần thánh, tên kinh thánh cũng trở thành một tiểu loại của tên riêng. Loại tên gọi này thường được cấu tạo dưới hình thức là từ và chúng được sử dụng nguyên khối trong giao tiếp. Một số tên gọi còn sử dụng mạo từ xác định đứng trước.

Ví dụ: *Christianity* (Kitô giáo hay Cơ đốc giáo), *Judaism* (Do Thái giáo), *Islam* (Hồi giáo), *Buddhism* (Phật giáo), *God* (Chúa, trời, thượng đế), *Christ* (Chúa Giê-su), *Jehovah* (Đức Giê-hô-va), *the Koran* (Kinh thánh).

(14) Tên giải thưởng (Names of awards)

Trong tiếng Anh, tên gọi các giải thưởng trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật và đời sống cũng có tên riêng. Loại tên gọi này thường được cấu tạo theo mô hình:

[(Mạo từ) - Tên cá biệt - Tên chung]

Chẳng hạn như: Giải *the Academy Awards* (Giải Oscars) trong lĩnh vực điện ảnh, Giải *the Grammy Awards* (Giải Grammys) trong lĩnh vực âm nhạc, *the Pulitzer Prize* (Giải Pulitzers) trong lĩnh vực văn học, *the Nobel Prizes* (Giải Nobel) trong lĩnh vực khoa học, v.v.

3. So sánh đối chiếu sự tương đồng và khác biệt giữa tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh

Sự tương đồng trong hệ thống tên riêng tiếng Việt và tiếng Anh thể hiện trước hết ở số lượng tên gọi. Cả trong tiếng Việt và tiếng Anh đều có cùng số lượng gồm 14 loại tên riêng. Sự tương đồng còn thể hiện ở phạm vi định danh khi cả hai ngôn ngữ đều có tên gọi cho người, động vật, các cơn bão, địa danh, hiện tượng vũ trụ, công trình kiến trúc - xây dựng, sách báo, cơ quan và tổ chức, thời gian - thời kì lịch sử. Còn về mặt ý nghĩa, các tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh cũng có nhiều điểm tương đồng ở cách gọi tên người, địa danh, tên gọi các hiện tượng vũ trụ, tên gọi các cơ quan hay tổ chức, tên gọi các cơn bão, tên thánh hay tên thần linh, tên gọi sách báo, tên gọi các công trình kiến trúc hay xây dựng. Cách phân chia này có thể là kết quả của lối tư duy mang tính quốc tế.

Bên cạnh sự tương đồng, giữa hai hệ thống tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh vẫn có sự khác biệt đáng kể. Chẳng hạn, tiếng Anh có tên riêng gọi động vật nhưng lại không có tên riêng gọi thực vật và đồ vật như trong tiếng Việt. Giải thích cho điều này có thể dựa vào đặc trưng mang tính văn hoá của hai dân tộc là khác nhau. Chẳng hạn, dân tộc Anh thiên về văn hoá du mục nên có thể họ gắn bó với động vật hơn, còn dân tộc Việt lại thiên về văn hoá nông nghiệp nên có nhiều tên gọi thực vật hơn.

Do bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ, nên cấu tạo tên riêng tiếng Việt và tên riêng tiếng Anh cũng có sự khác biệt đáng kể. Chẳng hạn, mô hình cấu tạo tên chính của người Việt và người Anh có sự đối lập khá rõ rệt. Đối với các loại tên riêng khác cũng có sự khác biệt về vị trí của các thành phần cấu tạo tên gọi. Chẳng hạn tên gọi các công trình kiến trúc trong tiếng Anh lại có thành tố “tên chung” đứng ở vị trí cuối của tên gọi. Một số tên riêng tiếng Anh có sử dụng mạo từ xác định đứng ở vị trí mở đầu của tên riêng như: tên cơ quan - tổ chức, tên gọi tác phẩm văn học - nghệ thuật, tên các giải thưởng,... Những đặc điểm cấu trúc này không thấy xuất hiện trong tên riêng tiếng Việt.

Có một sự khác biệt nữa cũng phản ánh sự phát triển về mặt văn hoá - xã hội của hai cộng đồng dân tộc Anh - Việt. Đó là trong tiếng Anh có tên riêng chỉ Tên thương mại, nhãn hiệu hàng hoá và Tên các giải thưởng lớn, trong khi đó tiếng Việt lại không có loại tên gọi này. Tương tự như vậy, người Anh còn xếp tên gọi các ngôn ngữ làm một loại tên riêng, còn người Việt lại không xếp loại tên gọi này vào tên riêng. Đó là chưa kể đến cách gọi thời gian của người Anh và người Việt cũng có sự khác biệt nhất định. Chẳng hạn như, người Anh xếp tên gọi ngày trong tuần làm một loại tên riêng, còn người Việt thì không cho tên gọi này là tên riêng. Có thể đây là sự khác biệt về lối tri nhận mang tính dân tộc? Ngoài ra, sự khác biệt về văn hoá cũng thể hiện trong việc đặt tên riêng. Chẳng hạn, người Việt đặt tên riêng thường gắn với yếu tố lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng dân gian (Thánh Gióng, Chử Đồng Tử), còn người Anh lại thể hiện yếu tố Kitô giáo, quý tộc hoặc thiên hướng quốc tế hoá (Elizabeth, Christ, Nobel,...).

Có thể nói, sự giống và khác biệt trong cách phân loại tên riêng trong hai ngôn ngữ phản ánh một sự thật khách quan trong quá trình tư duy của hai cộng đồng ngôn ngữ. Bên cạnh những quy luật về nhận thức chung mang tính quốc tế, mỗi cộng đồng dân tộc còn thể hiện tính dân tộc độc đáo, bản sắc văn hoá rất riêng thông qua các tín hiệu ngôn ngữ.

4. Kết luận

Trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ, tên riêng là loại đơn vị từ vựng khá đặc biệt. Tính chất đặc biệt đó thể hiện ra trên tất cả các mặt cấu trúc, chức năng, ý nghĩa và hoạt động của chúng trong đời sống giao tiếp của mỗi cộng đồng ngôn ngữ. Do bị ảnh hưởng bởi cấu trúc ngôn ngữ cũng như những đặc trưng về mặt văn hoá, nên hệ thống tên riêng trong mỗi ngôn ngữ là không hoàn toàn như nhau. Chẳng hạn, tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh mặc dù có số lượng tương đương nhau, nhưng bản chất của mỗi loại tên gọi đó vẫn có sự khác biệt nhất định. Sự khác biệt về mặt cấu trúc của tên chính chỉ người trong tiếng Việt và tiếng Anh là một ví dụ khá điển hình về sự so sánh này.

Việc tìm hiểu sự giống và khác biệt giữa hệ thống tên riêng trong tiếng Việt và tiếng Anh không chỉ góp phần làm rõ bản chất ngôn ngữ học của loại kí hiệu đặc biệt này, mà còn giúp cho việc tìm hiểu đặc trưng văn hoá của hai dân tộc Việt - Anh thông qua các tín hiệu tên riêng. Hơn nữa, việc tìm hiểu tên riêng trong các ngôn ngữ còn giúp cho việc học ngoại ngữ một cách thuận lợi hơn trong việc khắc phục những hiện tượng giao thoa tiêu cực trong tiếp xúc ngôn ngữ. Mặc dù tên riêng là một hiện tượng ngôn ngữ, nhưng loại tên gọi đặc biệt này cho đến nay vẫn còn nhiều “ẩn số” cần được tiếp tục nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Căn. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học xã hội. 1975.
2. Lê Trung Hoa. *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Khoa học xã hội. 1991.
3. Lê Trung Hoa. *Họ và tên người Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội. 1992.
4. Nguyễn Kim Thân. *Vài nét về tên người Việt*. Tạp chí Dân tộc học. NXB Khoa học xã hội, Số 4. 1975.
5. Phạm Tất Thắng. *Về vị trí của tên riêng trong hệ thống danh từ tiếng Việt*. Tạp chí Từ điển và Bách khoa thư, S.6, 2011.
6. Phạm Tất Thắng. *Một cách phân loại tên riêng trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 5. 2003.
7. Phạm Tất Thắng. *Không gian tên riêng tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học, Viện Đại học Mở Hà Nội, Số 6. 2014.
8. Trần Ngọc Thêm. *Về lịch sử hiện tại và tương lai của tên riêng người Việt*. Tạp chí Dân tộc học, Số 3. 1976.
9. Hoàng Tuệ. *Nghĩa trong tên riêng của người*. Trong *Ngôn ngữ và đời sống xã hội-văn hoá*. NXB Giáo dục. 1996.
10. Hồ Hữu Tường. *Sự cần thiết của khoa nhân danh học ở Việt Nam*. Tạp chí Bách khoa, S.247. 1967.
11. <https://nhandan.vn/cay-da-tan-trao-tieng-vong-tu-qua-khu-toi-tuong-lai-post711107.html>
12. <https://dantri.com.vn/xa-hoi/nhung-chien-cong-cua-cho-nghiep-vu-o-viet-nam-1138288452.htm>
13. <https://thanhnien.vn/su-that-ve-thanh-bao-kiem-vuong-quyen-thanh-thai-trieu-nguyen-ban-dau-gia-o-my-post1096111.html>
14. <https://baothanhhoa.vn/moi-truong/bao-noru-di-vao-bien-dong-tro-thanh-con-bao-so-4-nam-2022/168985.htm>

Tiếng Anh

15. Allerton, D. *The linguistic and sociolinguistic status of proper names*. Journal of Pragmatics 11: 61-92, 1987.
16. Gardiner, A. *The theory of proper names*. London - New York. 1954.
17. Imomov, E., & Kuldashv, A. M. *Semantic features of proper names in English and Uzbek*. ISJ Theoretical & Applied Science, 01 (81), 740-743. 2020.
18. Langendonck, W. V. *Theory and Typology of Proper Names*. Mouton de Gruyter. 2007.
19. Searle, J. *The problem of proper names*. Semantics (Mass). 1971.
20. Sloat, C. *Proper nouns in English* (pp. 26-30). Linguistic society of America. 1969.